TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - NINH BÌNH** Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST Ngày: 10-4-2026 *V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn.*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Mạnh Tường; Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình- Thẩm tra viên Toà án nhân dân Khu vực 3 -Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc:"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2026/q®XXst - HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc S **ngày 27/01/2000; số CCCD: 030300003458;** Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, tỉnh Ninh Bình

- Bị đơn: Anh Bùi Đức T**, sinh ngày 08/5/1998; số CCCD: 037098008873;** Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 11 năm 2025, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Bùi Đức T kết hôn với nhau năm 2023 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình nay là xã P, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng tôi sinh sống tại xã P, tỉnh Ninh Bình, sau đó hai vợ chồng đi làm thuê tại Hải Phòng. Hai vợ chồng tôi chỉ sống

hạnh phúc được một thời gian đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, khác biệt về lối sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Đến khoảng cuối năm 2024 thì vợ chồng tôi đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau, tôi cùng con nhỏ về bên bố mẹ đẻ tôi sinh sống. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã thực sự sâu sắc, không có khả năng hàn gắn. Tôi đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3-Ninh Bình giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Bùi Đức T để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu: Bùi Đức A sinh ngày 29/6/2023, hiện cháu đang ở với tôi. Ý kiến của tôi về việc nuôi con chung sau khi ly hôn như sau: Tôi xin được tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn anh Bùi Đức T: Tôi xác nhận thời điểm kết hôn và chung sống như cô N trình bày là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không có chung quan điểm trong các sống vì vậy dẫn đến cãi vã, nay cô N xin ly hôn thì tôi cũng đồng ý. Về con chung: Tôi đồng ý cho cô N được tiếp tục nuôi cháu Bùi Đức A sinh ngày 29/6/2023, hiện cháu đang ở với cô N. Tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng cô N mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, công nợ chung: tôi không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình đã tiến hành giải quyết theo quy định. Tuy nhiên anh T vắng mặt trong các phiên họp và hòa giải tại Tòa án, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt, chị N và anh T vẫn giữ quan điểm như ý kiến tại bản tự khai.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án Khu vực 3 – Ninh Bình thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.
- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.
- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí.

Đề nghị xử:

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Đức T.

2.Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Bùi Đức A sinh ngày 29/6/2023 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Bùi Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị N mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Vì lợi ích của con, khi có lí do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Đức T phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, thực tế hai bên đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh T là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Bùi Đức A sinh ngày 29/6/2023, hiện cháu đang ở với chị N. Chị N có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cũng đồng ý với nguyện vọng của chị N. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N khỏe mạnh có thu nhập, cháu Đức A còn nhỏ và anh T cũng đồng thuận trong việc nuôi con. Vì vậy việc giao cháu Đức A cho chị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo sự ổn định cũng như quyền và lợi ích của cháu, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh T, phù hợp với quy định của pháp luật, quyền và lợi ích của cháu Đức A, vì vậy cần ghi nhận sự tự nguyện này.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Đức T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc ly H với anh Bùi Đức T.

2.Về nuôi con chung: Giao cháu Bùi Đức A sinh ngày 29/6/2023 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị N mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo quyết định của bản án thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có lí do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí:

3.1. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000589 ngày 30/01/2026 của Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3- Ninh Bình.

3.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Đức T phải chịu 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:	**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- Các đương sự;	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**
- TAND tỉnh Ninh Bình;	
- VKSND Khu vực 3 – Ninh Bình;	
- Thi hành án DS tỉnh Ninh Bình;	
- UBND xã Phú Sơn	
- Lưu hồ sơ vụ án.	Nguyễn Thị Hương Quỳnh